| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN GÒ VẤP**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 517/2020/QĐST-HNGĐ | *Gò Vấp, ngày 02 tháng 6 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 308/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Duyên T, sinh năm 1971

HKTT: Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Lưu Q, sinh năm 1970

HKTT: Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Chỗ ở: quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2020,

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Lê Thị Duyên T và ông Nguyễn Lưu Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2015 ngày 27/01/2015 của Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh không còn hiệu lực.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Bích N, sinh ngày 08/12/2008. Giao trẻ Bích N cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T có nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/ tháng đến khi trẻ Bích N đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hằng tháng vào ngày mùng 10 dương lịch, bắt đầu thực hiện từ tháng 06/2020.

Kể từ ngày ông Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Toà án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung: Bà T và ông Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Bà T và ông Q xác định không có.

2.4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, bà T tự nguyện chịu. Ngoài ra, án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, bà T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0025842 ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí. Ông Q không phải chịu án phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- CCTHADS Q.Gò Vấp;
- UBND Phường 08, Quận 3;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Lê Hoàng Ngọc Hải**